

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	13 - 29
8. Phụ lục	30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần tắm lợi vật liệu xây dựng Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 73/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty tắm lợi vật liệu xây dựng Đồng Nai (thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam) sang Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600475018 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 23 tháng 5 năm 2006 với nội dung tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 17 tháng 7 năm 2009 và lần thứ tư ngày 19 tháng 8 năm 2010 với nội dung tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành, nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam	34.023.660.000	12,50
Vốn của các cá nhân và pháp nhân khác	238.212.810.000	87,50
Cộng	272.236.470.000	100,00

Vốn pháp định :

6.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại : (061) 3836130

Fax : (061) 3836023

Mã số thuế : **3 6 0 0 4 7 5 0 1 8**

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tắm lợi và xây lắp; Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu các loại vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị phụ tùng chuyên ngành xây dựng; Sản xuất, mua bán Clinker; Mua bán nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ, thủy lợi, cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp, khu dân cư; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; Mua bán xe ô tô, xe gắn máy; Bốc xếp hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu năm nay tăng 25,7 tỷ VND so với năm trước nguyên nhân chủ yếu là doanh thu gia công xi măng cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh tăng 45,5 tỷ VND, doanh thu tiêu thụ nội bộ sản phẩm bê tông tăng 12,4 tỷ VND và doanh thu bán thành phẩm giảm 32,2 tỷ VND.

Trong năm, Công ty đã giải thể Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và đầu tư Phương Thảo – Phước Khánh, Công ty đã ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con bằng cách cắt trừ công nợ phải trả, phải thu và thu hồi tài sản đem góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 30).

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2009 theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 4 năm 2010 và tạm trích lập các quỹ của năm 2010 như sau:

- Chi cổ tức	:	31.727.474.500 VND
- Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	:	2.784.316.820 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	:	1.392.158.410 VND

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Chủ tịch	29 tháng 04 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Thành	Ủy viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Dương Xuân Bình	Ủy viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Jiang Wen	Ủy viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Lê Trung Chính	Ủy viên	29 tháng 04 năm 2010	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nho	Trưởng ban	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Phạm Đức Hùng	Thành viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Nguyễn Đoàn Dũng	Thành viên	29 tháng 04 năm 2010	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Tổng Giám đốc	01 tháng 07 năm 2005	-
Ông Nguyễn Bá Truật	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2002	-
Ông Dương Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 11 năm 2005	-
Ông Lê Trung Chính	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 11 năm 2005	-
Ông Trần Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 05 năm 2008	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	17 tháng 03 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

02047442
CÔNG TY
CH NHIỆM HỮU
KIỂM TOÁN
TƯ VẤN
TP HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 4 năm 2011.





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0384/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

**Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty cổ phần tắm lọc vật liệu xây dựng Đồng Nai gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 07 tháng 3 năm 2011, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần tắm lọc vật liệu xây dựng Đồng Nai tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Vấn đề lưu ý

Không phủ nhận ý kiến đã nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý đến việc Công ty thực hiện xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó khoản lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại số dư tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ với số tiền là 6.391.789.603 VND đang được ghi nhận trên chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái (xem thuyết minh số V.22).

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

Võ Thành Công - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1033/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80.946.560.337	116.837.140.803
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.215.749.142	34.184.247.291
1. Tiền	111		6.215.749.142	34.184.247.291
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.926.558.134	30.616.053.564
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	15.971.308.051	26.204.288.285
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	17.738.373.621	728.631.020
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	216.876.462	3.683.134.259
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		39.800.646.111	42.933.579.632
1. Hàng tồn kho	141	V.5	39.800.646.111	42.933.579.632
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.003.606.950	9.103.260.316
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	7.746.611.300
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	1.003.606.950	1.356.649.016

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		863.063.919.940	603.479.559.613
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		767.460.310.725	489.417.808.838
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	26.242.805.006	30.572.537.796
<i>Nguyên giá</i>	222		121.036.615.706	119.526.047.801
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(94.793.810.700)	(88.953.510.005)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	9.045.344.008	260.963.499
<i>Nguyên giá</i>	228		9.162.641.589	356.157.560
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(117.297.581)	(95.194.061)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	732.172.161.711	458.584.307.543
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		90.000.000.000	112.969.993.232
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	22.969.993.232
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	90.000.000.000	90.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.603.609.215	1.091.757.543
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	132.850.000	140.745.500
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	5.470.759.215	951.012.043
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		944.010.480.277	720.316.700.416

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		551.968.115.930	408.543.179.492
I. Nợ ngắn hạn	310		184.368.479.165	171.673.323.492
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	98.802.230.472	79.079.222.540
2. Phải trả người bán	312	V.14	69.442.101.434	57.027.873.926
3. Người mua trả tiền trước	313		13.748.093	16.385.974
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	1.490.958.269	5.478.245.223
5. Phải trả người lao động	315	V.16	5.854.108.535	10.570.215.306
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1.980.792.512	1.688.981.504
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1.461.055.604	13.076.304.899
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	5.323.484.246	4.736.094.120
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		367.599.636.765	236.869.856.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	365.341.904.287	236.869.856.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	2.200.892.013	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		56.840.465	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		392.042.364.347	311.773.520.924
I. Vốn chủ sở hữu	410		392.042.364.347	311.773.520.924
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	272.236.470.000	181.490.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	76.737.250.400	76.777.250.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.22	(6.391.789.603)	(2.623.766.138)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	11.243.301.309	11.243.301.309
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	9.947.663.499	8.555.505.089
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	28.269.468.742	36.330.250.264
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		944.010.480.277	720.316.700.416

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.23	1.684.116.000	552.519.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		39.460.608	39.460.608
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		36,585.35	36,288.10
Euro (EUR)		358.77	358.20
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 07 tháng 3 năm 2011

Bùi Thị Hoan
Người lập biểuNguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng
Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	339.294.605.034	313.524.266.177
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	339.294.605.034	313.524.266.177
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	275.931.969.812	245.904.724.426
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		63.362.635.222	67.619.541.751
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	5.208.303.896	737.067.942
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	16.627.110.411	5.151.699.904
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.337.233.528	3.228.892.798
8. Chi phí bán hàng	24	VL.5	3.730.061.569	4.184.198.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	13.237.456.508	14.812.356.540
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.976.310.630	44.208.355.249
11. Thu nhập khác	31	VL.7	1.932.628.319	1.106.679.406
12. Chi phí khác	32		375.636.023	390.896.389
13. Lợi nhuận khác	40		1.556.992.296	715.783.017
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.533.302.926	44.924.138.266
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	6.481.347.205	12.884.122.253
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VL.8	2.208.787.513	(1.257.279.423)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>27.843.168.208</u>	<u>33.297.295.436</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.9	<u>1.210</u>	<u>1.835</u>

Đồng Nai, ngày 07 tháng 3 năm 2011


Bùi Thị Hoan
Người lập biểu


Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng


Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		36.533.302.926	44.924.138.266
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.7,8	5.862.404.215	6.242.905.410
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(2.339.314.812)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,4	(1.550.045.356)	109.478.444
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	13.337.233.528	3.228.892.798
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		51.843.580.501	54.505.414.918
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.077.882.922	26.458.684.857
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.132.933.521	28.730.539.257
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.709.725.539)	21.617.780.754
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(13.244.040.598)	(3.206.727.798)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.15	(7.879.109.270)	(11.239.483.531)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		28.902.318.883	122.796.023.621
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(35.459.126.694)	(76.107.337.743)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.664.713.726	163.554.894.335
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(263.314.110.777)	(378.069.300.298)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(30.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	230.285.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	2.700.000.000	188.369.995
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(260.614.110.777)	(407.650.645.303)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.22	90.705.490.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.13,20	353.285.619.097	366.752.484.662
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13	(205.321.151.656)	(79.380.650.346)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22,18	(31.725.435.225)	(12.720.422.900)
			<u>206.944.522.216</u>	<u>274.651.411.416</u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40			
			<u>(28.004.874.835)</u>	<u>30.555.660.448</u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50			
			<u>34.184.247.291</u>	<u>3.592.499.891</u>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60	V.1		
			36.376.686	36.086.952
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61			
			<u>6.215.749.142</u>	<u>34.184.247.291</u>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70	V.1		

Đồng Nai, ngày 07 tháng 3 năm 2011



Bùi Thị Hoan
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và xây lắp
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tấm lợp và xây lắp. Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu các loại vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị phụ tùng chuyên ngành xây dựng. Mua bán nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp.

4. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 537 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 467 nhân viên).

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu năm nay tăng 25,7 tỷ VND so với năm trước nguyên nhân chủ yếu là doanh thu gia công xi măng cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh tăng 45,5 tỷ VND, doanh thu tiêu thụ nội bộ sản phẩm bê tông tăng 12,4 tỷ VND và doanh thu bán thành phẩm giảm 32,2 tỷ VND.

Trong năm, Công ty đã giải thể Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và đầu tư Phương Thảo – Phước Khánh, Công ty đã ghi giảm khoản đầu tư vào Công ty con bằng cách cản trừ công nợ phải trả, phải thu và thu hồi tài sản đem góp vốn.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	2% - 20%
Máy móc và thiết bị	10% - 33,3%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5% - 12,5%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10% - 20%

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao với tỷ lệ từ 2%/năm đến 5%/năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hoá.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
31/12/2010 : 18.932 VND/USD

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	54.926.289	412.248.223
Tiền gửi ngân hàng	6.160.822.853	33.771.999.068
Cộng	6.215.749.142	34.184.247.291

2. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	-	9.507.184.830
Các khách hàng khác	15.971.308.051	16.697.103.455
Cộng	15.971.308.051	26.204.288.285

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	10.156.804.721	-
Các nhà cung cấp khác	7.581.568.900	728.631.020
Cộng	17.738.373.621	728.631.020

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và đầu tư Phương Thảo – Phước Khánh	-	711.265.899
Các khoản phải thu khác	216.876.462	2.971.868.360
Cộng	216.876.462	3.683.134.259

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	34.951.051.485	40.694.917.664
Công cụ, dụng cụ	329.832.032	278.485.881
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.235.646	123.591.581
Thành phẩm	4.493.526.948	1.836.584.506
Cộng	39.800.646.111	42.933.579.632

6. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	997.306.950	1.350.349.016
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	6.300.000	6.300.000
Cộng	1.003.606.950	1.356.649.016

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	26.801.759.057	69.026.112.673	22.942.635.428	755.540.643	119.526.047.801
Mua sắm trong năm	-	332.426.900	1.024.309.182	153.831.823	1.510.567.905
Số cuối năm	26.801.759.057	69.358.539.573	23.966.944.610	909.372.466	121.036.615.706
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.104.422.879	51.458.028.019	4.109.107.287	465.986.881	69.137.545.066
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	20.909.633.327	56.891.102.873	10.495.905.532	656.868.273	88.953.510.005
Khấu hao trong năm	750.179.839	2.557.712.135	2.438.794.248	93.614.473	5.840.300.695
Số cuối năm	21.659.813.166	59.448.815.008	12.934.699.780	750.482.746	94.793.810.700
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.892.125.730	12.135.009.800	12.446.729.896	98.672.370	30.572.537.796
Số cuối năm	5.141.945.891	9.909.724.565	11.032.244.830	158.889.720	26.242.805.006
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 51.957.309.685 VND và 10.105.078.742 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	312.160.000	43.997.560	356.157.560
Tăng trong năm	8.806.484.029	-	8.806.484.029
Số cuối năm	9.118.644.029	43.997.560	9.162.641.589
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	71.728.685	23.465.376	95.194.061
Tăng trong năm	13.304.004	8.799.516	22.103.520
Số cuối năm	85.032.689	32.264.892	117.297.581
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	240.431.315	20.532.184	260.963.499
Số cuối năm	9.033.611.340	11.732.668	9.045.344.008
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 8.898.644.029 VND và 8.875.028.029 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Nhà máy nghiền xi măng Nhơn Trạch	437.241.186.011	213.267.092.778	-	650.508.278.789
Công trình bến xà lan 500 tấn	15.092.540.334	12.732.576.582	-	27.825.116.916
Công trình bến xà lan 30.000 tấn	-	25.156.705.601	-	25.156.705.601
Các công trình khác	6.250.581.198	22.431.479.207	-	28.682.060.405
Cộng	458.584.307.543	273.587.854.168	-	732.172.161.711

Toàn bộ giá trị Nhà máy nghiền xi măng Nhơn Trạch được thế chấp để đảm bảo cho Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

10. Đầu tư dài hạn khác

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004281 ngày 23 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần xi măng Công Thanh 90.000.000.000 VND, tương đương 10% vốn điều lệ.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	140.745.500	124.300.000
Phát sinh trong năm	-	16.445.500
Hoàn nhập trong năm	(7.895.500)	-
Số cuối năm	132.850.000	140.745.500

12. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ L/C thanh toán hợp đồng thi công xây dựng Nhà máy nghiền xi măng Nhơn Trạch.

13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	74.802.230.472	77.879.222.540
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC	-	12.945.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương VN – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	74.802.230.472	64.934.222.540
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20)	24.000.000.000	1.200.000.000
Cộng	98.802.230.472	79.079.222.540

Khoản vay Ngân hàng để trả tiền mua nguyên liệu sản xuất tấm lợp và xi măng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	79.079.222.540	15.151.800.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	200.813.570.810	141.947.548.023
Tăng khác	230.588.778	-
Kết chuyển từ vay dài hạn	24.000.000.000	1.200.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(205.321.151.656)	(79.220.125.483)
Số cuối năm	98.802.230.472	79.079.222.540

14. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
China Machine-Building International Corp	50.090.438.949	32.445.004.415
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	-	6.423.542.280
Material resources & Trading Corporation	9.321.586.704	6.831.774.022
Các nhà cung cấp khác	10.030.075.781	11.327.553.209
Cộng	69.442.101.434	57.027.873.926

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	453.342.728	(278.759.763)	174.582.965
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.886.490.110	18.669.751.616	(21.556.241.726)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.741.348.890	(2.741.348.890)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.564.971.758	6.481.347.205	(7.879.109.270)	1.167.209.693
Thuế thu nhập cá nhân	26.533.363	292.451.069	(175.933.519)	143.050.913
Thuế khác	249.992	1.924.320.982	(1.918.456.276)	6.114.698
Cộng	5.478.245.223	30.562.562.490	(34.549.849.444)	1.490.958.269

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm và dịch vụ cung cấp như sau:

- Tầm lọc, xi măng, gạch : 10%
- Vận chuyển, phế liệu : 5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.533.302.926	44.924.138.266
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.458.635.948	7.109.550.747
- Các khoản điều chỉnh giảm	(12.066.550.053)	(497.200.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	25.925.388.821	51.536.489.013
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.481.347.205	12.884.122.253

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Phải trả người lao động**

Quỹ tiền lương được trích dựa vào số lượng thành phẩm tiêu thụ (riêng thành phẩm xi măng bao gồm cả tiêu thụ nội bộ) trong năm, cụ thể như sau:

- Ximăng :	24.000 VND/tấn
- Tầm lọc :	2.000 VND/m ²
- Gạch :	350 VND/viên
- Ngói :	655 VND/viên
- Đá Pozzolana :	24.000 VND/tấn

Số dư cuối năm là quỹ lương còn phải trả công nhân viên.

17. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	884.400.000	1.009.000.000
Lãi vay phải trả	786.511.733	22.165.000
Chi phí khác	309.880.779	657.816.504
Cộng	1.980.792.512	1.688.981.504

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	1.934.965	14.688.600
Kinh phí công đoàn	162.366.431	263.535.914
Bảo hiểm thất nghiệp	13.069.995	
Cổ tức phải trả	47.638.675	45.599.400
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	1.236.045.538	12.752.480.985
Cộng	1.461.055.604	13.076.304.899

(*) Các khoản phải trả với số tiền là 11.997.831.638 VND của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và đầu tư Phương Thảo – Phước Khánh đã giải thể trong năm và đã hạch toán giảm trừ khi thu hồi khoản đầu tư.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	3.086.059.124	1.949.021.774	(1.806.300.000)	3.228.780.898
Quỹ phúc lợi	1.650.034.996	835.295.046	(390.626.694)	2.094.703.348
Cộng	4.736.094.120	2.784.316.820	(2.196.926.694)	5.323.484.246

20. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, đất đai và các chi phí khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh công suất 1.800.000 tấn/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	Năm nay	Năm trước
Từ 1 năm trở xuống	24.000.000.000	1.200.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	186.000.000.000	166.869.856.000
Trên 5 năm	179.341.904.287	70.000.000.000
Tổng nợ	389.341.904.287	238.069.856.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết số phát sinh về khoản vay:**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	236.869.856.000	13.425.444.224
Số tiền vay phát sinh trong năm	152.472.048.287	224.804.936.639
Số tiền vay đã trả trong năm		(160.524.863)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(24.000.000.000)	(1.200.000.000)
Số cuối năm	365.341.904.287	236.869.856.000

21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	1.240.833.923
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	2.200.892.013	-
Số hoàn nhập trong năm	-	(1.240.833.923)
Số cuối năm	2.200.892.013	-

22. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	34.023.660.000	22.682.440.000
Vốn góp của các cổ đông khác	238.212.810.000	158.808.540.000
Cộng	272.236.470.000	181.490.980.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức năm trước	31.725.435.225	12.720.422.900
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-
Cộng	31.725.435.225	12.720.422.900

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.223.647	18.149.098
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.223.647	18.149.098
- Cổ phiếu phổ thông	27.223.647	18.149.098
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.223.647	18.149.098
- Cổ phiếu phổ thông	27.223.647	18.149.098
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

23. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công

Giá trị vỏ bao nhận gia công ximăng cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	339.294.605.034	313.524.266.177
Doanh thu bán thành phẩm	213.113.283.059	232.667.431.921
Doanh thu cung cấp dịch vụ	126.181.321.975	80.856.834.256
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần	339.294.605.034	313.524.266.177

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	156.343.298.390	179.668.811.044
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	119.588.671.422	66.235.913.382
Cộng	275.931.969.812	245.904.724.426

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	164.432.834	548.697.947
Lãi tiền gửi kỳ hạn	-	188.369.995
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.700.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.339.314.812	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.556.250	-
Cộng	5.208.303.896	737.067.942

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	13.337.233.528	3.228.892.798
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.139.925.239	1.922.807.106
Lỗ thu hồi khoản đầu tư	1.149.951.644	-
Cộng	16.627.110.411	5.151.699.904

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	2.031.860.068	2.247.071.841
Chi phí công cụ, đồ dùng	44.469.220	48.563.115
Chi phí khấu hao tài sản cố định	142.822.860	142.822.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.294.361.941	1.698.763.206
Chi phí khác	216.547.480	46.976.978
Cộng	3.730.061.569	4.184.198.000

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.535.761.882	4.932.366.784
Chi phí vật liệu quản lý	946.578.467	983.810.575
Chi phí đồ dùng văn phòng	205.534.314	156.778.281
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.375.938.517	1.044.614.715
Thuế, phí và lệ phí	160.794.063	136.308.630
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.316.474.078	1.788.492.256
Chi phí khác	3.696.375.187	5.769.985.299
Cộng	13.237.456.508	14.812.356.540

7. Thu nhập khác

Chủ yếu là tiền thu cung cấp dịch vụ điện, nước cho nhà thầu thi công Nhà máy nghiền Nhon Trạch.

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	7.895.500	(16.445.500)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	2.200.892.013	(1.240.833.923)
Cộng	2.208.787.513	(1.257.279.423)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.843.168.208	33.297.295.436
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.843.168.208	33.297.295.436
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.020.390	18.149.098
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.210	1.835

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.149.098	18.149.098
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm 2010	4.871.292	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.020.390	18.149.098

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	236.223.908.851	182.904.365.504
Chi phí nhân công	27.684.129.928	30.469.345.824
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.862.404.215	6.242.905.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.909.639.472	20.740.137.514
Chi phí khác	4.355.377.980	6.319.133.786
Cộng	295.035.460.446	246.675.888.038

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác**

Tăng mua sắm tài sản cố định hữu hình	1.510.567.905
Tăng mua sắm tài sản cố định vô hình	8.806.484.029
Tăng chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	273.587.854.168
Các khoản công nợ phải trả liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	(10.225.319.476)
Nhận tài sản cố định từ công ty con	(10.365.475.849)
Cộng	263.314.110.777

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Thu nhập khác của các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.290.519.275	745.187.475
Thù lao và phụ cấp	183.600.000	100.000.000
Cộng	1.474.119.275	845.187.475

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và đầu tư	Công ty con
Phương Thảo – Phước Khánh	
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh		
Cung cấp dịch vụ	126.153.439.711	85.501.285.815
Mua nguyên vật liệu	142.096.312.334	99.389.139.752
Vay của công thanh	16.800.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và đầu tư Phương Thảo – Phước Khánh		
Các khoản chi hộ phải thu	-	711.265.899
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh		
Cung cấp dịch vụ	-	9.507.184.830
Trả trước tiền mua nguyên liệu	10.156.804.721	-
Cộng nợ phải thu	10.156.804.721	10.218.450.729
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh		
Mua nguyên vật liệu	-	6.423.542.280
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và đầu tư Phương Thảo – Phước Khánh		
Các khoản nhận giữ hộ	-	11.997.831.638
Cộng nợ phải trả	-	18.421.373.918

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường căn cứ trên hợp đồng. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm tắm lợp: sản xuất sản phẩm tắm lợp và bán cho các Công ty hoặc cá nhân
- Lĩnh vực gia công xi măng: Cung cấp dịch vụ gia công xi măng cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Kinh doanh các sản phẩm tầm lợi	Gia công xi măng	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	194.336.406.890	125.871.065.020	19.087.133.124	-	339.294.605.034
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	194.336.406.890	125.871.065.020	19.087.133.124	-	339.294.605.034
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	53.290.294.415	5.301.895.362	1.040.383.876	-	59.632.573.653
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(13.237.456.508)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					46.395.117.145
Doanh thu hoạt động tài chính					5.208.303.896
Chi phí tài chính					(16.627.110.411)
Thu nhập khác					1.932.628.319
Chi phí khác					(375.636.023)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(6.481.347.205)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(2.208.787.513)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					27.843.168.208
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	27.696.900	257.750.000	263.028.663.877	-	263.314.110.777
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.465.579.564	863.512.280	3.533.312.371	-	5.862.404.215
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	206.008.044.680	80.361.537.670	27.154.683.827	-	313.524.266.177
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	206.008.044.680	80.361.537.670	27.154.683.827	-	313.524.266.177

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Kinh doanh các sản phẩm tầm lớn	Gia công xi măng	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	46.741.383.935	13.514.986.112	3.178.973.704	-	63.435.343.751
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(14.812.356.540)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					48.622.987.211
Doanh thu hoạt động tài chính					737.067.942
Chi phí tài chính					(5.151.699.904)
Thu nhập khác					1.106.679.406
Chi phí khác					(390.896.389)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(12.884.122.253)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					1.257.279.423
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					33.297.295.436
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.059.090.000	1.773.425.772	375.236.784.526	-	378.069.300.298
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.343.625.625	1.107.172.103	3.792.107.682	-	6.242.905.410

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thông tin khác

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính năm nay.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Đồng Nai, ngày 07 tháng 3 năm 2011



Bùi Thị Hoan
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VLXD ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm trước	181.490.980.000	76.827.250.400	-	11.243.301.309	6.890.640.317	20.716.309.144	297.168.481.170
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	33.297.295.436	33.297.295.436
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(12.688.760.000)	(12.688.760.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	1.664.864.772	(4.994.594.316)	(3.329.729.544)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm trước	-	-	(2.623.766.138)	-	-	-	(2.623.766.138)
Các khoản khác	-	(50.000.000)	-	-	-	-	(50.000.000)
Số dư cuối năm trước	181.490.980.000	76.777.250.400	(2.623.766.138)	11.243.301.309	8.555.505.089	36.330.250.264	311.773.520.924
Số dư đầu năm nay	181.490.980.000	76.777.250.400	(2.623.766.138)	11.243.301.309	8.555.505.089	36.330.250.264	311.773.520.924
Tăng vốn năm nay	90.745.490.000	(40.000.000)	-	-	-	-	90.705.490.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	27.843.168.208	27.843.168.208
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(31.727.474.500)	(31.727.474.500)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	1.392.158.410	(4.176.475.230)	(2.784.316.820)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm nay	-	-	2.623.766.138	-	-	-	2.623.766.138
Số dư cuối năm nay	272.236.470.000	76.737.250.400	(6.391.789.603)	11.243.301.309	9.947.663.499	28.269.468.742	(6.391.789.603)
							392.042.364.347

Đồng Nai, ngày 07 tháng 3 năm 2011



(Signature)
Bùi Thị Hoan
Người lập biểu

(Signature)
Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng

(Signature)
Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc